TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20/7/2026
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Đoàn Thị Thuý

Các Hội thẩm nhân dân: Nguyễn Thị Hồng và Nguyễn Thị Mến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 319/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2026, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy C, sinh ngày 10/9/1990; ĐKHKTT: Thôn N, xã T, thành phố Hải Phòng. Nơi ở hiện nay: Thôn L, xã L, tỉnh Bắc Ninh. CCCD số: 027190002311;

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh ngày 25/02/1984. ĐKHKTT: Thôn N, xã T, thành phố Hải Phòng; CCCD số: 030084017858;

Hiện đang chấp hành án tại đội 35, phân trại số C, trại giam T, Bộ C1; địa chỉ: xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy C trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn B tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương

(nay là xã T, thành phố Hải Phòng) vào ngày 24/12/2010. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế, anh B thường xuyên vắng nhà, chị phải một mình lo toan con cái, nhiều lần vợ chồng xảy ra cãi vã xô xát căng thẳng; năm 2016 chị đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại thôn L, xã L, tỉnh Bắc Ninh sinh sống đến nay. Chị và anh B nhiều lần trao đổi và cho nhau cơ hội hàn gắn nhưng đều không có kết quả, đến năm 2022 anh B vi phạm pháp luật và bị Toà án nhân dân thành phố Hà Nội tuyên 17 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Chị và anh B đã ly thân 10 năm, đời sống vợ chồng không còn tồn tại, chị không còn tình cảm với anh B, đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh B. Chị và anh B có 01 con chung là Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 05/10/2012. Chị đề nghị sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng. Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung.

Tại tự bản khai của bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày: Về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng, thời gian ly thân như chị C trình bày là đúng. Anh đồng ý ly hôn và đồng ý để chị C trực tiếp chăm sóc con Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 05/10/2012 sau ly hôn. Việc chị C tự nguyện không yêu cầu anh cấp dưỡng anh không có ý kiến gì. Quá trình chung sống anh và chị C không có tài sản chung, không có nợ chung. Anh đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại biên bản ghi ý kiến cháu Nguyễn Thị Kim N có nguyện vọng xin được ở với mẹ.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, bị đơn; các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án, Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Đề nghị HĐXX: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn (chị Nguyễn Thị Thúy C).

- Về quan hệ tình cảm: cho chị Nguyễn Thị Thúy C ly hôn anh Nguyễn Văn B.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 05/10/2012 cho chị Nguyễn Thị Thúy C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh B có quyền thăm nom con chung, không ai được phép ngăn cản.

- Về tài sản chung, công nợ: Không có;

- Về án phí: Chị C phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Quan điểm của đại diện VKS nhân dân khu vực 11- Hải Phòng; Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Chị Nguyễn Thị Thúy C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 11- Hải Phòng giải quyết ly hôn và con chung đối với bị đơn anh Nguyễn Văn B cư trú tại xã T, thành phố Hải Phòng, đây là tranh chấp phát sinh trong hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3 Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của UBTVQH quy định về thẩm quyền theo lãnh thổ khu vực, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11- Hải Phòng.

[1.2] *Người tham gia tố tụng*: Tại phiên toà nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị C và anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của chị C và anh B đều xác định trong cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xảy ra cãi vã xô xát, đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Mặc dù cả hai đã cho nhau cơ hội nhưng không có kết quả. Nay anh chị xác định đời sống chung không còn tồn tại, hôn nhân không có hạnh phúc nên anh

chị thống nhất ly hôn. Yêu cầu ly hôn của chị C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51,56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Chị C và anh B có 1 con chung là Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 05/10/2012 hiện đang ở cùng chị C. Chị C và anh B thống nhất sau ly hôn chị C trực tiếp nuôi dưỡng nuôi con. Xét thấy sự thống nhất về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn của anh chị là tự nguyện, phù hợp nguyện vọng của cháu N và phù hợp quy định tại Điều 58; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét việc chị C tự nguyện không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con là tự nguyện, không vi phạm điều cấm và không trái quy định của pháp luật, HĐXX chấp nhận.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung, công sức*: Chị C và anh B đều xác không có, Hội đồng xét xử không phải giải quyết;

[3] *Về án phí*: Yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn (chị C) được chấp nhận, chị C phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; khoản 5 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy C;

1. Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Nguyễn Thị Thúy C ly hôn anh Nguyễn Văn B.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 05/10/2012 cho chị Nguyễn Thị Thúy C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ sau khi ly hôn đến khi con chung thành niên (tròn 18 tuổi) hoặc khi chị C và anh B có thoả thuận, yêu cầu khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị C.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy C phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án mà chị C đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án ký hiệu BLTU/26E số 0006297 ngày 22/5/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11- Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị Thúy C đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thúy C và anh Nguyễn Văn B vắng mặt tại phiên tòa đều có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Thuý

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 11 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 11-Hải Phòng;
- UBND xã T, TP. Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ, VP.